TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- LÂM ĐỒNG** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: **31**/2026/HNGĐ - ST Ngày: 30/3/2026 *V/v tranh chấp "*Ly hôn*"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Phương Chi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Sơn**
2. Ông **Phạm Quang Vinh**

- Thư ký phiên toà: Ông **Hoàng Ngọc Trung Dũng-** Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Hồ Thị Phượng -** Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mạc Thị H**; sinh năm 1985.

Địa chỉ: 12/4 N, Phường C - ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 12/4 N, Phường C - ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Mạc Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Thanh T kết hôn ngày 24/12/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Trong quá trình chung sống bà và ông T thường xuyên sảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về gia đình và nuôi dạy con cái,

không tìm được tiếng nói chung. Không khí gia đình căng thẳng dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thể giải quyết được. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 28/11/2015, Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24/9/2017. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Mạc Thị H kết hôn ngày 24/12/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại Đà Lạt. Trong quá trình sống chung thì vợ chồng cũng có sảy ra mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân. Nay bà H yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: ông T và bà H có hai con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 28/11/2015, Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24/9/2017. Ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24/9/2017 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 28/11/2015 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con và ông cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T và bà H tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T thống nhất thoả thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông T thừa nhận vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 28/11/2015, Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24/9/2017. Ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24/9/2017 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh

ngày 28/11/2015 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Bà H và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông T cùng xác định vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông T đều xác định vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H và ông T ly hôn. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 28/11/2015 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi, giao con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24/9/2017 cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Bà Hi và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Mạc Thị H và ông Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã T - L. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn cư trú tại Phường C - ĐL, Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân Khu vực 1- tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Mạc Thị H và ông Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã T - L trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Theo bà H trong quá trình chung sống bà và ông T thường xuyên sảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về gia đình và nuôi dạy con cái, không tìm được tiếng nói chung. Không khí gia đình căng thẳng dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thể giải quyết được. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cũng thừa nhận quan hệ hôn nhân như

bà H trình bày, trong cuộc sống hôn nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà, cả bà H và ông T đều thống nhất ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông T.

[2.2] Về con chung: bà H và ông T thừa nhận vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 28/11/2015; Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24/9/2017. Ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24/9/2017 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi; ông T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 28/11/2015 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Xét thấy nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà H và ông T là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện tốt nhất về mọi mặt của con chung. Xét bà H và ông T đều có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, hiện nay cả hai cháu Thanh T1 và Thanh T2 đã trên 07 tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án các cháu đã có nguyện vọng được ở với ai nên cần xem xét cả nguyện vọng của con. Con chung Thanh T1 hiện đang ở với bà H, cháu có nguyện vọng được ở với bà H và ông T cũng đồng ý giao con chung Thanh T1 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Con chung Thanh T2 hiện đang ở với ông T, có nguyện vọng được ở với ông Tnên có căn cứ giao con Thanh T2 cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con cả bà H và ông T không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: bà H và ông T xác định vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: bà H và ông T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Mạc Thị H và bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 28/11/2015 cho bà Mạc Thị H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên.

- Giao con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24/9/2017 cho ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên.

Bà Mạc Thị H và ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Mạc Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011733 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 1- LĐ;
- THA khu vực 1- Lâm Đồng;
- UBND xã Tân Hà- Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Phương Chi